

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2021/HC-PT

Ngày: 12 - 5 - 2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 51/2021/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1624/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 690/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1954. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Th, xã Th1, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Văn Th – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường L, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Hồng Th – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lê Thị T trình bày:

Phần diện tích đất 53,5m² bà Lê Thị T bị thu hồi để thực hiện dự án Nâng cấp sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) huyện H nằm trong một phần đất có nguồn gốc của cha mẹ bà T sử dụng. Năm 1996, bà được mẹ cho một phần diện tích đất khoảng 80m² sử dụng từ năm 1996. Năm 1996 bà đã dựng nhà trên một phần đất, năm 2000 bà tiếp tục xây dựng thêm trên diện tích đất đó. Trong quá trình sử dụng và xây dựng nhà ở bà không bị chính quyền ngăn cản hay có ý kiến gì. Năm 1998 bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N169285, sổ vào sổ cấp GCN số 1555/99QSDĐ ngày 02/12/1998, sau đó cấp đổi lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 528822, sổ vào sổ cấp GCN: CH01427 ngày 01/01/2013.

Ngày 14/3/2019, Ủy ban nhân dân huyện H giao cho bà Quyết định số 5577/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về việc thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình để thực hiện dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (Đ), theo đó đã thu hồi của bà 53,5m² đất và Quyết định số 5521/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện H, theo đó bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp 120.268.000 đồng. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gồm: nhà 15.526.000 đồng, giếng khoan 1.500.000 đồng. Hỗ trợ thêm 3.750.000 đồng. Tổng cộng 141.044.750 đồng.

Không đồng ý với việc thu hồi đất và bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện H, bà đã khiếu nại hai Quyết định trên. Ngày 04/11/2019 Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 5164/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung không công nhận khiếu nại của bà.

Lý do khởi kiện: Khi thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân huyện H không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về việc bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với người dân bị thu hồi đất, cụ thể:

Đất bị thu hồi của bà là đất ở mặt tiền đường Đ giá thực tế chuyển nhượng từ 35 đến 40 triệu đồng/m² nhưng Ủy ban áp giá 2.248.000 đồng/m² (53,5m² x 2.248.000đồng = 120.268.000 đồng) là gây thiệt hại cho gia đình bà vì nguồn gốc đất bị thu hồi được cha mẹ bà sử dụng trước khi có quy hoạch lộ giới, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998.

Sau đó cấp lại giấy chứng nhận vào năm 2013 Ủy ban nhân dân huyện H mới không công nhận phần đất nằm trong lộ giới, Ủy ban nhân dân huyện H không thể coi đất này là đất nông nghiệp để bồi thường theo giá đất nông nghiệp.

Do vậy, bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5577/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi đất của cá nhân, hộ gia

định để thực hiện dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh Lộ 9, huyện H; Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Lê Thị T đại diện khai trình thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng để nâng cấp sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đ), huyện H và Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T (lần đầu) của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H.

Sau khi Tòa án đối thoại lần 2, bà còn nhận được Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về phê duyệt phương án điều chỉnh Phương án số 4847/PA-HĐBT và điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất của ông/bà Lê Thị T đại diện khai trình thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đ), huyện H. Theo Quyết định trên thì số tiền được điều chỉnh thành 143.501.934 đồng, lý do: bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản. Bà đề nghị Tòa án xem xét Quyết định này.

Đại diện của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H trình bày:

Bà Lê Thị T khiếu nại Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Lê Thị T (đại diện khai trình) để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đ), huyện H. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện H bồi thường đối với phần đất và công trình bị ảnh hưởng bởi dự án là đất nông nghiệp là không đúng.

Bà Lê Thị T yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 2.000.000.000 đồng.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đ) số 144/2016(5)-57(TTT)/ĐĐXDHM lập ngày 21/12/2016 của Công ty cổ phần đo đạc xây dựng H, phần đất bị ảnh hưởng đối với trường hợp bà Lê Thị T có diện tích là 53,5m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 45 (TL2005), xã Th1, huyện H, có nguồn gốc và quá trình sử dụng như sau:

- Đất do bà Lê Thị T nhận tặng cho từ năm 1996, sử dụng đến nay. Nhà ở, công trình xây dựng do hộ bà Lê Thị T xây dựng năm 1996, được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01427 ngày 01/11/2013.

Phần diện tích đất, nhà bị ảnh hưởng bởi dự án thuộc phần diện tích đất, nhà không phù hợp quy hoạch không được công nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Công trình xây dựng trên phần diện tích đất bị ảnh hưởng bởi Dự án sửa

chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) được bà Lê Thị T xây dựng năm 1996. Đến năm 2000, bà Lê Thị T sửa chữa, xây dựng thêm. Như vậy, thời điểm tạo lập công trình sau ngày Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố lộ giới theo Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân huyện H đã triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; phê duyệt kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện thu hồi đất để thực hiện Dự án sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) đối với trường hợp bà Lê Thị T theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Ủy ban nhân dân xã Th1 đã thông báo, triển khai việc thực hiện Dự án đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) đến hộ bà Lê Thị T biết và có phối hợp thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định.

Căn cứ Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) xác định loại đất, đơn giá áp dụng bồi thường cho bà Lê Thị T là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) xác định trường hợp bà Lê Thị T không đủ điều kiện để hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là đúng quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông/bà Lê Thị T để thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ), huyện H là đúng quy định.

Việc bà Lê Thị T (đại diện khai trình) yêu cầu bồi thường, hỗ trợ với số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ những nội dung trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T (lần đầu), có nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông/bà Lê Thị T để thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) huyện H. Nội dung khiếu nại của bà T là không đúng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1624/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc hủy Quyết định số 5577/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H “Về việc thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình để thực hiện dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh Lộ 9 (Đ), huyện H”, Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông/bà Lê Thị T đại diện khai trình thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đ), huyện H” và Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 “về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T (lần đầu)” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/10/2020, bà Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị T trình bày: Nguồn gốc đất do cha mẹ bà T để lại, hồ sơ vụ án thể hiện đất này là đất thổ cư, không có văn bản nào thể hiện việc chuyển mục đích từ thổ cư sang nông nghiệp. Phần đất xung quanh cha mẹ bà T bán cho người khác vẫn được bồi thường theo giá thổ cư. Do đó, UBND huyện H bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp là thiệt thòi cho bà T, số tiền bồi thường không đủ để bà T mua nhà khác để ở. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Lê Thị T làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện H, Chủ tịch UBND huyện H vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt từ cấp sơ thẩm; sau khi xét xử sơ thẩm, phía người bị kiện không có kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện đồng ý đối với việc xét xử vắng mặt người bị kiện. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung:

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5577/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi đất, Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND huyện H và Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về giải quyết khiếu nại; với lý do phần diện tích đất thu hồi 53,5m² của hộ bà Lê Thị T có nguồn gốc được tặng cho hợp pháp, đã sử dụng ổn định, liên tục và xây nhà trên đất từ năm 1996 đến nay nên đủ điều kiện để được bồi thường theo đơn giá đất ở.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần diện tích đất thu hồi 53,5m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 45 (TL 2005) tọa lạc tại xã Th1, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lê Thị T năm 1998 diện tích 80m², mục đích sử dụng “TM” và “chưa xem xét tiền sử dụng đất”. Năm 2011, bà T lập hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất; được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất năm 2013. Theo đó, bà T được công nhận quyền sử dụng 31m² đất ở đô thị, công nhận quyền sở hữu nhà diện tích 18m². Phần còn lại bà T không được chuyển đổi mục đích sử dụng và không được công nhận quyền sử dụng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Phương án số 4847-94 xác định diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp để tính bồi thường 100% đơn giá đất nông nghiệp là đúng quy định pháp luật.

Đối với các tài sản trên đất, Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 và Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 thực hiện bồi thường đầy đủ theo kết quả kiểm đếm khi thu hồi đất, đã đảm bảo quyền lợi của hộ bà Lê Thị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bà Lê Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1624/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc hủy Quyết định số 5577/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H “Về việc thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình để thực hiện dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh Lộ 9 (Đ), huyện H”, Quyết định số 5521-94/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông/bà Lê Thị T đại diện khai trình thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đ), huyện H” và Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 “về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T (lần đầu)” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Lê Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Minh

Mai Thị Tú Oanh

Hoàng Thanh Dũng

